

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2026-2027

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG THÍ SINH DỰ
VÀO CÁC TRƯỜNG THPT CHUYÊN
(Đến 15h00' ngày 05/5/2026)

TT	Thông tin trường THPT		Đăng ký dự thi	Đăng ký dự tuyển			
	Tên trường	Lớp chuyên		NV1	NV2	NV3	Tổng số
1	THPT Chuyên Nguyễn Trãi	Địa lý	52	51	0	1	52
2	THPT Chuyên Nguyễn Trãi	Hóa học	94	92	2	0	94
3	THPT Chuyên Nguyễn Trãi	Lịch sử	75	75	0	0	75
4	THPT Chuyên Nguyễn Trãi	Ngữ Văn	110	104	5	1	110
5	THPT Chuyên Nguyễn Trãi	Sinh học	84	84	0	0	84
6	THPT Chuyên Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	138	127	10	1	138
7	THPT Chuyên Nguyễn Trãi	Tin học	188	68	119	1	188
8	THPT Chuyên Nguyễn Trãi	Tiếng Nga	155	21	43	91	155
9	THPT Chuyên Nguyễn Trãi	Toán học	173	166	7	0	173
10	THPT Chuyên Nguyễn Trãi	Tiếng Pháp	157	25	82	50	157
11	THPT Chuyên Nguyễn Trãi	Tiếng Trung	195	87	81	27	195
12	THPT Chuyên Nguyễn Trãi	Vật lý	90	90	0	0	90
13	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Địa lý	79	75	3	1	79
14	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Hóa học	144	143	1	0	144
15	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Lịch sử	98	90	7	1	98
16	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Ngữ Văn	392	359	21	12	392
17	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Sinh học	118	115	3	0	118
18	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Tiếng Anh	378	354	17	7	378
19	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Tin học	344	63	266	15	344
20	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Tiếng Hàn	308	84	127	97	308
21	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Tiếng Nga	283	36	46	201	283
22	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Tiếng Nhật	54	53	0	1	54
23	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Toán học	370	347	22	1	370
24	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Tiếng Pháp	316	71	143	102	316
25	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Tiếng Trung	381	154	205	22	381
26	Trường THPT Chuyên Trần Phú	Vật lý	89	84	3	2	89

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2026-2027

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG THÍ SINH DỰ TUYỂN
VÀO CÁC THPT CÔNG LẬP
Đến 15h00' ngày 05/5/2026

Ghi chú: - Cột "Đăng ký dự thi" là số học sinh đăng ký nguyện vọng 1 trực tiếp vào THPT công lập.
- Cột "NV1" là tổng số học sinh đăng ký nguyện vọng 1 bao gồm cả số học sinh đăng ký nguyện vọng THPT chuyên và có nguyện vọng 1 về THPT công lập.

TT	Thông tin trường THPT		Chỉ tiêu	Đăng ký dự thi	Đăng ký dự tuyển		
	Tên trường	Mã trường			NV1	NV2	Tổng số
1	THPT Nguyễn Thị Duệ	3000004004	405	325	325	1485	1810
2	THPT Nguyễn Du	30000701	405	790	843	606	1449
3	THPT Hồng Quang	30000702	540	562	1018	14	1032
4	THPT Nguyễn Văn Cừ	30000703	720	1274	1337	808	2145
5	THPT Chí Linh	30000707	540	640	663	7	670
6	THPT Phả Lại	30000708	315	432	432	81	513
7	THPT Trần Phú	30000709	360	601	601	813	1414
8	THPT Mạc Đĩnh Chi - Nam Sách	30000710	360	782	782	780	1562
9	THPT Nam Sách	30000711	540	602	668	23	691
10	THPT Nam Sách II	30000712	405	882	882	708	1590
11	THPT Hà Bắc	30000713	405	551	551	292	843
12	THPT Hà Đông	30000714	360	576	576	1074	1650
13	THPT Thanh Hà	30000715	540	602	634	44	678
14	THPT Thanh Bình	30000716	450	1044	1044	1326	2370
15	THPT Nhị Chiểu	30000717	405	627	628	177	805
16	THPT Kinh Môn	30000718	540	786	797	589	1386
17	THPT Phúc Thành	30000719	450	704	710	53	763
18	THPT Đông Gia	30000720	360	631	632	263	895
19	THPT Kim Thành	30000721	540	741	772	826	1598
20	THPT Kim Thành II	30000722	495	909	909	1069	1978
21	THPT Gia Lộc	30000723	585	676	734	194	928
22	THPT Đoàn Thượng	30000724	450	898	898	376	1274
23	THPT Gia Lộc II	30000725	450	1298	1298	1280	2578
24	THPT Tứ Kỳ	30000726	585	796	829	210	1039
25	THPT Cầu Xé	30000727	450	761	762	572	1334
26	THPT Hưng Đạo	30000728	450	1086	1087	1064	2151
27	THPT Cẩm Giàng	30000729	540	646	700	464	1164
28	THPT Tuệ Tĩnh	30000730	360	615	628	338	966
29	THPT Cẩm Giàng II	30000731	450	1245	1245	1090	2335
30	THPT Bình Giang	30000732	405	441	498	60	558
31	THPT Kê Sắt	30000733	360	736	736	956	1692
32	THPT Đường An	30000734	450	932	933	680	1613
33	THPT Thanh Miện	30000735	495	650	657	90	747
34	THPT Thanh Miện II	30000736	360	741	743	492	1235
35	THPT Thanh Miện III	30000737	405	819	819	1670	2489
36	THPT Ninh Giang	30000738	540	809	827	449	1276
37	THPT Quang Trung - Ninh Giang	30000739	405	755	758	599	1357
38	THPT Khúc Thừa Dụ	30000740	360	879	879	1209	2088

TT	Thông tin trường THPT		Chỉ tiêu	Đăng ký dự thi	Đăng ký dự tuyển		
	Tên trường	Mã trường			NV1	NV2	Tổng số
39	THPT Kinh Môn II	30000742	495	850	850	1669	2519
40	THPT Bến Tắm	30000743	360	631	631	294	925
41	THPT Chu Văn An	30000755	450	707	707	2230	2937
42	THPT An Dương	31000701	1035	1452	1497	443	1940
43	THPT An Lão	31000702	765	901	906	355	1261
44	THPT Bạch Đằng	31000703	675	744	748	522	1270
45	THPT Cát Bà	31000704	215	240	240	57	297
46	THPT Cát Hải	31000705	151	178	180	200	380
47	THPT Cộng Hiền	31000706	495	550	550	659	1209
48	THPT Đồ Sơn	31000707	450	458	462	138	600
49	THPT Hùng Thắng	31000709	495	630	630	547	1177
50	THPT Kiến An	31000710	585	583	662	34	696
51	THPT Kiến Thụy	31000711	630	670	690	29	719
52	THPT Hồng Bàng	31000712	630	724	780	420	1200
53	THPT Lê Hồng Phong	31000713	630	815	899	748	1647
54	THPT Lê Ích Mộc	31000714	675	863	863	1593	2456
55	THPT Lê Quý Đôn	31000715	675	815	1129	28	1157
56	THPT Lý Thường Kiệt	31000716	720	802	819	158	977
57	THPT Mạc Đĩnh Chi	31000717	630	797	811	1211	2022
58	THPT Ngô Quyền	31000718	765	506	1155	10	1165
59	THPT Nguyễn Bình Khiêm	31000719	540	551	552	58	610
60	THPT Nguyễn Đức Cảnh	31000720	540	683	683	651	1334
61	THPT Nguyễn Trãi	31000721	945	1305	1319	481	1800
62	THPT Phạm Ngũ Lão	31000724	630	816	825	14	839
63	THPT Đồng Hoà	31000725	540	691	694	1117	1811
64	THPT Quang Trung	31000726	675	778	783	532	1315
65	THPT Thái Phiên	31000727	675	696	1101	8	1109
66	THPT Tiên Lãng	31000728	585	607	616	50	666
67	THPT Toàn Thắng	31000729	540	573	575	1327	1902
68	THPT Tô Hiệu	31000730	540	636	636	562	1198
69	THPT Trần Hưng Đạo	31000731	585	819	826	1055	1881
70	THPT Trần Nguyên Hãn	31000732	765	894	1087	26	1113
71	THPT Vĩnh Bảo	31000733	630	631	636	74	710
72	THPT Quốc Tuấn	31000734	495	634	634	1089	1723
73	THPT Thụy Hương	31000735	585	1010	1010	879	1889
74	THPT Hải An	31000736	720	1133	1166	966	2132
75	THCS - THPT Lý Thánh Tông	31000790	180	309	309	837	1146
76	THPT Phan Đăng Lưu	31000801	405	503	504	652	1156
77	THPT Lê Chân	31000802	765	1028	1064	1026	2090
78	THPT Thủy Sơn	31000803	675	804	804	2157	2961
79	THPT Nhữ Văn Lan	31000804	495	616	617	1447	2064
80	THPT Nguyễn Khuyến	31000805	540	563	563	1396	1959